

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách xã Quảng Trường năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ thông báo số 88/TT-TCKH ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Quảng Xương về việc giao dự toán thu NSNN, chi ngân sách xã năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết 20/NQ- HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân xã Quảng Trường về dự toán thu ngân sách Nhà nước, chi ngân sách xã năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 11/07/2024 của Hội đồng nhân dân xã Quảng Trường khóa XXI về việc phê chuẩn quyết toán thu NSNN chi ngân sách xã năm 2023;

Xét đề nghị của Công chức Tài chính- Kế toán xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách xã Quảng Trường năm 2023 (Có các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Công chức Tài chính - Kế toán tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Cường

BIỂU CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2024 của UBND xã Quảng Trường)

Đơn vị: đồng

Nội dung thu	QUYẾT TOÁN	Nội dung chi	QUYẾT TOÁN
Tổng số thu	15.350.570.438	Tổng số chi	15.350.570.438
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	739.480.000	I. Chi đầu tư phát triển	10.038.540.800
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	264.548.435	II. Chi thường xuyên	4.920.730.942
III. Thu bổ sung	13.050.425.000	III. Chi chuyển nguồn sang năm sau	391.298.696
- Bổ sung cân đối	2.604.833.000		
- Bổ sung có mục tiêu	10.445.592.000		
IV. Thu chuyển nguồn	1.296.117.003		
V. Thu kết dư ngân sách năm trước	0		
Kết dư ngân sách	0		

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2024 của UBND xã Quảng Trường)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	A	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	69.439.581.000	20.345.581.000	26.072.894.020	15.350.570.438	37,55%	75,45%
I	Các khoản thu 100%	808.488.000	808.488.000	739.480.000	739.480.000	91,46%	91,46%
-	Phí, lệ phí	30.000.000	30.000.000	25.000.000	25.000.000	83,33%	83,33%
-	Thu quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	598.488.000	598.488.000	542.080.000	542.080.000	90,57%	90,57%
-	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp(thầu chợ)	170.000.000	170.000.000	170.000.000	170.000.000	100%	100%
-	Thu khác, thu phạt, tịch thu khác theo quy định	10.000.000	10.000.000	2.400.000	2.400.000	24%	24%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	66.011.500.000	16.917.500.000	10.986.872.017	264.548.435	16,64%	1,56%
1	Các khoản thu phân chia	286.500.000	234.500.000	134.592.138	114.658.783	46,98%	48,90%
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	22.000.000	22.000.000	27.825.358	27.825.358	126,48%	126,48%
-	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	4.500.000	4.500.000	7.100.000	7.100.000	157,78%	157,78%
-	Lệ phí trước bạ nhà, đất	260.000.000	208.000.000	99.666.780	79.733.425	38,33%	38,33%
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	65.725.000.000	16.683.000.000	10.852.279.879	149.889.652	16,51%	0,90%
-	Thu cấp quyền sử dụng đất	64.690.000.000	16.172.500.000	10.537.297.500	0	16,29%	0%
-	Thu tiền thuê mặt đất	35.000.000	7.000.000	31.638.900	6.327.780	90,40%	90,40%
-	Thuế giá trị gia tăng, TNDN	35.000.000	21.000.000	42.400.000	25.440.000	121,14%	121,14%
-	Thuế thu nhập cá nhân chuyển nhượng BĐS	965.000.000	482.500.000	235.538.206	117.769.103	24,41%	24,41%
-	Các khoản thu phân chia khác			5.405.273	352.769		
III	Thu chuyển nguồn			1.296.117.003	1.296.117.003		
VI	Thu kết dư ngân sách năm trước			0	0		
V	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	2.619.593.000	2.619.593.000	13.050.425.000	13.050.425.000	498,19%	498,19%
-	Thu bổ sung cân đối	2.619.593.000	2.619.593.000	2.604.833.000	2.604.833.000	99,44%	99,44%
-	Thu bổ sung có mục tiêu			10.445.592.000	10.445.592.000		

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2024 của UBND xã Quảng Trường)

Đơn vị tính: đồng

ST T	Nội dung	Dự toán HĐND xã giao + nguồn BS ngân sách cấp trên, nguồn CCTL			Quyết toán			So sánh (%)		
		Tổng số	Đầu tư PT	Thường xuyên	Tổng số	Đầu tư PT	Thường xuyên	Tổng số	ĐTPT	TX
	1	2=3+4	3	4	6=7+8	7	8	9 = 6/2	10 = 7/3	11 = 8/4
Tổng chi		30.791.173.000	25.673.292.000	5.117.881.000	15.350.570.438	10.038.540.800	4.920.730.942	49,85%	39,10%	96,15%
1	Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	54.000.000		54.000.000	54.000.000		54.000.000	100%		100%
1.1	Chi dân quân tự vệ	27.000.000		27.000.000	27.000.000		27.000.000	100%		100%
1.2	Chi an ninh	27.000.000		27.000.000	27.000.000		27.000.000	100%		100%
2	Chi sự nghiệp giáo dục	3.578.499.000	3.578.499.000		1.000.000.000	1.000.000.000		27,94%	27,94%	
3	Chi sự nghiệp môi trường	51.500.000		51.500.000	36.300.000		36.300.000	70,49%		70,49%
4	Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin	10.000.000		10.000.000	10.000.000		10.000.000	100%		100%
5	Chi sự nghiệp TDTT	10.000.000		10.000.000				0,0%		0,0%
6	Chi phát thanh, truyền thanh	11.000.000		11.000.000	5.000.000		5.000.000	45,45%		45,45%
7	Chi các hoạt động kinh tế	13.430.483.000	12.828.983.000	601.500.000	5.065.927.000	4.498.927.000	567.000.000	37,72%	35,07%	94,26%
7.1	- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	5.166.586.000	4.565.086.000	601.500.000	1.654.379.000	1.087.379.000	567.000.000	32,02%	23,82%	94,26%
7.2	Giao thông	8.263.897.000	8.263.897.000		3.411.548.000	3.411.548.000		41,28%	41,28%	
8	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	627.698.000		627.698.000	656.626.500		656.626.500	104,61 %		104,61 %
8.1	- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ hưu, BHYT	276.938.000		276.938.000	325.106.500		325.106.500	117,39 %		117,39%

8.3	Chi quà tết; 27/7; mai táng phí NCC	350.760.000		350.760.000	331.520.000		331.520.000	94,51%		
9	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	12.843.473.000	9.265.810.000	3.577.663.000	8.056.991.242	4.539.613.800	3.517.377.442	62,73%	0,00%	98,31%
9.1	Quản lý Nhà nước	12.528.353.000	9.265.810.000	3.262.543.000	7.804.116.242	4.539.613.800	3.264.502.442	62,29%		100,06%
9.2	Hội đồng nhân dân	30.000.000		30.000.000	23.785.000		23.785.000	79,28%		79,28%
9.3	Đảng Cộng sản Việt Nam	162.420.000		162.420.000	116.890.000		116.890.000	71,97%		71,97%
9.4	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	33.500.000		33.500.000	31.000.000		31.000.000	92,54%		92,54%
9.5	Đoàn Thanh niên	24.800.000		24.800.000	16.800.000		16.800.000	67,74%		67,74%
9.6	Hội Liên hiệp Phụ nữ	14.800.000		14.800.000	14.800.000		14.800.000	100%		100%
9.7	Hội Nông dân	34.800.000		34.800.000	34.800.000		34.800.000	100%		100%
9.8	Hội Cựu chiến binh	14.800.000		14.800.000	14.800.000		14.800.000	100%		100%
10	Các tổ chức CTXH khác(Hội NCT; TNXP; khuyết tật; Chữ thập đỏ)	74.520.000		74.520.000	74.427.000		74.427.000	99,88%		99,88%
11	Dự phòng	100.000.000		100.000.000				0%		0%
12	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				391.298.696					